

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2019*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lù Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Tải Sào Tin

Ông: Lù Mìn Sáng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Long Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang:** Ông Dương Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2019. Đối với bị cáo:

- **Lò Văn Q** - sinh ngày 15 tháng 9 năm 1993, tại xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Păng và bà Lò Thị Lả; Vợ: không; con có 1 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 15 tháng 4 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Lìu Văn L - sinh ngày 20 tháng 11 năm 1983, Nơi cư trú: thôn Na Hu, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông: Sùng Văn Đ - sinh ngày 19 tháng 03 năm 2001; trú tại thôn Nám Ngà, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

2. Ông: Sèn Văn K - sinh ngày 02 tháng 02 năm 1991; trú tại thôn Lũng Cháng, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

3. Ông: Lý Chấn S - sinh ngày 16 tháng 02 năm 1976; trú tại Thôn Cốc Pú, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông: Cháng Văn T - sinh ngày 17 tháng 02 năm 1997, Nơi cư trú: thôn Na Hu, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.
2. Ông: Ly Văn Ph - sinh ngày 10 tháng 12 năm 1997, Nơi cư trú: thôn Thẩm Giá, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.
3. Ông: Vàng Văn T - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1981, Nơi cư trú: thôn Na Hu, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.
4. Ông: Nùng Văn Ng - sinh ngày 07 tháng 7 năm 1995, Nơi cư trú: thôn Na Hu, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa.
5. Ông Phán Văn L - sinh ngày 16 tháng 10 năm 1982, Nơi cư trú: thôn Na Hu, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn Q, sinh năm 1993 trú tại thôn C, xã N, huyện X là thợ xây dựng hiện đang làm thuê cho anh Lìu Văn L sinh năm 1983, trú tại thôn Na Hu, xã T, huyện X. Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 15/4/2019, sau khi đi chơi về Q vào lán ở của nhóm thợ xây, tại thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang do anh L là người quản lý để ngủ, thấy mọi người đã ngủ say, Q ngồi hút thuốc Lào lúc này do có ánh đèn cao áp ngoài đường chiếu vào nên Q nhìn thấy chìa khóa xe máy của anh L để trong mũ bảo hiểm đặt trên giường gần chỗ anh L đang ngủ. Vì biết anh L hay để tiền trong cốp xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn: Đỏ - đen, biển kiểm soát: 23G1-126.88 nên đã nảy sinh ý định dùng chìa khóa đó để mở cốp xe nếu có tiền thì sẽ lấy trộm. Q nhẹ nhàng lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa, do sợ khi mở cốp xe sẽ phát ra tiếng động nên Q đã dùng tay nhắc dịch đuôi xe ra cách vị trí ban đầu khoảng 50cm, sau đó Q dùng tay mở cốp xe ra nhìn thấy bên trong có một chiếc hộp kim loại màu cam, kích thước (20x23)cm được khóa bằng móc khóa màu trắng, Q dùng tay mở móc khóa của nắp chiếc hộp ra thì nhìn thấy bên trong có 01 máy rơi dạng hình trụ màu xanh - đen, kích thước 15x20 cm và có nhiều tiền, Q thò tay vào bên trong hộp móc lấy ra một nắm tiền rồi đút luôn vào trong túi quần đồng thời đóng cốp xe lại, để chìa khóa xe máy lại vị trí cũ, rồi đi ra ngoài lấy xe máy BKS: 23E1-017.89 (*chiếc xe máy này Q mượn của Sùng Văn Đ, trú tại xã C, huyện X từ trước*), điều khiển theo hướng đường bê tông vào thôn V, thị trấn C, huyện X. Đi được một đoạn thì dừng lại trèo lên ta luy dương bên trái giấu tiền tại bụi cây tre. Sau khi giấu tiền xong, Q quay xuống đường điều khiển xe đến nhà anh Sin Đức L, sinh năm 1988 trú tại thôn V, Thị trấn C, huyện X ở gần đó ngủ với mục đích nhằm tránh sự nghi ngờ của anh L và mọi người. Sau khi ngủ dậy anh L phát hiện thấy xe máy của mình bị dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu nên đã mở cốp xe ra kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 58.300.000 đồng (*Năm mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*), ngay sau khi phát hiện bị mất tiền anh L đã trình báo Công an thị trấn C, huyện X. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày sau khi thấy Công an thị trấn đến làm việc do sợ bị điều tra phát hiện ra hành vi trộm cắp của mình và cũng hối hận

vì thấy anh Liêm rất lo lắng khi bị mất số tiền trên nên bị cáo đã đến Công an thị trấn đầu thú, tự nguyện khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời chỉ chỗ giấu tiền trộm cắp của anh L.

Ngày 15/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện X, ra quyết định trưng cầu giám định số 21 đối với số tiền 58.300.000 đồng mà Lò Văn Q trộm cắp của anh L. Ngày 21/4/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận giám định số 173/KL-PC09 Kết luận số tiền 58.300.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện X đã thu giữ Tiền VND: 58.300.000đ với nhiều mệnh giá khác nhau; 01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn: Đỏ - đen, biển kiểm soát: 23G1-126.88, số máy: JF46E4259810, số khung: 4601DY357020, xe đã cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) Chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen (*Chìa khóa của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BKS: 23G1-126.88*); 01 (Một) Hộp kim loại màu cam được khóa bằng móc khóa màu trắng, kích thước 20x23cm; bên trong hộp có đựng 01 máy rọi dạng hình trụ có màu xanh - đen, kích thước (15x20)cm; bên dưới chiếc máy rọi để 01 bìa xộp màu đen; 01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE RSX, loại xe hai bánh, màu sơn: Đỏ - Bạc - Đen, biển kiểm soát: 23E1 - 017.89, số máy: JC43E5609639, số khung: RLHJC4326AY147152. Xe đã cũ, đã qua sử dụng.

Xét thấy những vật nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân. Căn cứ vào đơn xin lại tài sản của bị hại Lìu Văn L và anh Sùng Văn Đ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện X đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 07, ngày 07/5/2019 đối với những vật chứng sau đây bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu tài sản, cụ thể:

Trả lại cho Lìu Văn L: Tiền VND: 58.300.000 đồng với nhiều mệnh giá khác nhau; 01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn: Đỏ - đen, biển kiểm soát: 23G1-126.88, số máy: JF46E4259810, số khung: 4601DY357020, xe đã cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) Chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen (*Chìa khóa của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BKS: 23G1-126.88*); 01 (Một) Hộp kim loại màu cam được khóa bằng móc khóa màu trắng, kích thước (20x23)cm; bên trong hộp có đựng 01 máy rọi dạng hình trụ có màu xanh - đen, kích thước (15x20)cm; bên dưới chiếc máy rọi để 01 bìa xộp màu đen.

Trả lại cho Sùng Văn Đ: 01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE RSX, loại xe hai bánh, màu sơn: Đỏ - Bạc - Đen, biển kiểm soát: 23E1-017.89, số máy: JC43E5609639, số khung: RLHJC4326AY147152. Xe đã cũ, đã qua sử dụng.

Về phần bồi thường dân sự.

Trong quá trình điều tra anh Lìu Văn L yêu cầu bị can Lò Văn Q bồi thường chi phí điện thoại; chi phí xăng xe; tiền lãi do anh L phải đi vay để trả tiền vật liệu,

trả tiền công thợ xây với tổng số tiền là. 5.000.000 đồng. Bị cáo Q nhất trí bồi thường và ủy quyền cho ông Lý Chín S (*Ông S là bố đẻ của người yêu Q*) bồi thường đầy đủ số tiền theo yêu cầu của bị hại. Sau khi nhận đủ số tiền trên anh L không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Trước cơ quan điều tra bị cáo Lò Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thể hiện tại: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú (BL số 03 - 04); Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL số 59 - 72); kết luận giám định (BL số 82); lời khai, bản cung của bị cáo (BL 102 - 118); lời khai bị hại (BL số 119 - 124); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL số 125 - 130); lời khai người làm chứng (BL số 131 - 140), cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 06/ CT-VKSXM ngày 19/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lò Văn Q về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố bị cáo **Lò Văn Q** phạm tội: ***Trộm cắp tài sản*** theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- *Hình phạt chính:* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo **Lò Văn Q** từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề cập đến hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: Không

c) Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Lìu Văn L yêu cầu bị cáo Lò Văn Q bồi thường chi phí điện thoại; chi phí xăng xe; tiền lãi do anh L phải đi vay để trả tiền vật liệu, trả tiền công thợ xây với tổng số tiền là. 5.000.000 đồng. Bị cáo Q nhất trí bồi thường và ủy quyền cho ông Lý Chín S (*Ông S là bố đẻ của người yêu Q*) bồi thường đầy đủ số tiền theo yêu cầu của bị hại.. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị hại không có đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị cáo Lò Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X, tỉnh Hà Giang; Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang; Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X, tỉnh Hà Giang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như:

- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 15/4/2019 của Lò Văn Q (Bút lục số 03-04);
- Bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo Q (Bút lục số: 102 đến 118);
- Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X (Bút lục số: 59 - 62);
- Bản kết luận Giám định số 173/KL-PC09 ngày 21/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang (Bút lục số: 82);
- Đơn đề nghị và lời khai của người bị hại Lìu Văn L (Bút lục số: 02; 119-124).
- Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng.

Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 15/4/2019 tại Lán ở của nhóm thợ xây do anh Lìu Văn L, trú tại thôn Na Hu, xã T, huyện X quản lý, thuộc thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Lò Văn Q đã có hành vi Trộm cắp số tiền là 58.300.000 đồng của anh L với mục đích để tiêu sài cá nhân. Tổng số tiền bị cáo trộm cắp là 58.300.000 đồng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo Lò Văn Q đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

...

5) Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Về mặt chủ quan, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm hành vi này bằng chế tài hình sự, đồng thời cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng theo yêu cầu; số tiền 58.300.000 đồng bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và giao trả cho người bị hại xong, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người phạm tội ra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. nên có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn Q** phạm tội: “ **Trộm cắp tài sản** ”

Về hình phạt: Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn Q 18 (*Mười tám*) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang
- VKSND Tỉnh, Huyện
- Cơ quan THASH Công an, huyện X
- Công an huyện X
- Chi Cục THA dân sự
- UBND xã Nàn Ma, huyện X.
- UBND xã Quài Tở-Tuần Giáo,tỉnh Điện Biên
- Bị cáo, bị hại
- Những người có QL&NVLQ
- Sở tư pháp Hà Giang
- Lưu hồ, THA, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lù Quang Minh